

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồng Phượng;

2. Bà Quách Thị Yến Linh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXX ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị MT**, sinh năm 1981; có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1974; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp Bình L, xã CL, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị MT trình bày:

Chị và anh B tự nguyện chung sống vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Hai bên chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 02 năm 2022 do anh B tự ý chia đất cho anh em của anh B nhưng không bàn bạc với chị, từ đó hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ đó hai bên cũng không còn chung sống với nhau. Chị và anh B cũng đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Do chị và anh B chung sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có một con chung:
Trần Nguyễn Nhật K, sinh năm 2013.
Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Trần Văn B trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị MT về quan hệ hôn nhân, con chung là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng thì phát sinh từ đầu năm 2022, do anh có chia đất cho anh trai, chị MT không đồng ý nên bỏ về nhà cha mẹ ruột. Anh và chị MT không còn chung sống từ tháng 02/2022 cho đến nay. Anh có gặp chị MT để tìm cách đoàn tụ nhưng chị MT yêu cầu giải quyết vụ chia đất cho anh trai xong thì mới đoàn tụ. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị MT.

- Về con chung: Có một con chung:

Trần Nguyễn Nhật K, sinh năm 2013.

Con theo ai thì người đó nuôi, nếu chị MT yêu cầu được nuôi con chung thì anh đồng ý, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải, đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị MT với anh B. Giao chị MT trực tiếp nuôi con chung Trần Nguyễn Nhật K. Ghi nhận chị MT không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chị MT chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn B được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị MT, anh B tự nguyện chung sống vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Quá trình hai bên chung sống, anh B tự ý chia đất cho anh trai, không bàn bạc tôn trọng ý kiến chị MT dẫn đến hai bên nảy sinh

ra mâu thuẫn không thể giải quyết được. Hai bên đã không còn chung sống từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay, không tìm được biện pháp giải quyết mâu thuẫn. Nay anh B khai còn tình cảm với chị MT nên xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn, cũng không tham gia các phiên hoà giải, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị MT, anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị MT.

[3] Về con chung: Có một con chung:

Trần Nguyễn Nhật K, sinh năm 2013.

Giao con chung cho chị MT trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị MT không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị MT; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị MT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Anh B không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị MT đối với anh Trần Văn B.

1.1. Chị Nguyễn Thị MT và anh Trần Văn B chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Có một con chung:

Trần Nguyễn Nhật K, sinh năm 2013.

Chị Nguyễn Thị MT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Trần Nguyễn Nhật K. Ghi nhận chị Nguyễn Thị MT không yêu cầu anh Trần Văn B cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí DSST:

2.1. Chị Nguyễn Thị MT phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013271 ngày 07-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (đã nộp đủ).

2.2. Anh Trần Văn B không phải chịu.

3. “Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- Các đương sự.
- Lưu tập án, lưu hồ sơ,

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

TẠ THỊ HẠ